

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phụng;

2. Ông Võ Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 630/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thùy D, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Hà Hữu H, sinh năm 1977; địa chỉ: số B, tổ B, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thùy D trình bày, qua tìm hiểu, bà D và ông Hà Hữu H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 09/4/2013. Sau khi kết hôn, bà D, ông H sống cùng gia đình bà D. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Hà Ngọc Nguyên A, sinh ngày 20/02/2014 và Hà Ngọc Thảo T, sinh ngày 15/5/2016. Các con chung đang được bà D nuôi dưỡng.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông H thường hay say xỉn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Ông H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của ông H tại huyện C ở từ cuối năm 2020 cho đến nay và không tới lui thăm con chung. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông H; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Hà Ngọc Nguyên A và Hà Ngọc Thảo T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2013, quyển số 01/2013, do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/4/2013 cho bà Đỗ Thị Thùy D với ông Hà Hữu H (bản chính); Giấy khai sinh số 120 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang cấp ngày 21/4/2014 cho Hà Ngọc Nguyên A (bản sao); Giấy khai sinh số 153 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang cấp ngày 25/5/2016 cho Hà Ngọc Thảo T (bản sao).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Hữu H trình bày, thống nhất với ý kiến của bà D về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung, người đang trực tiếp nuôi con chung, địa điểm vợ chồng chung sống sau khi kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, do dịch bệnh Covid-19, không có việc làm. Do vợ chồng giận nhau và buồn nên ông H về nhà cha mẹ ruột của ông H tại huyện C ở từ tháng 5/2021 cho đến nay. Ông H có về thăm vợ, con. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Do còn thương vợ, thương con nên ông H không đồng ý ly hôn với bà D; yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Hà Ngọc Nguyên A và Hà Ngọc Thảo T, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà D và ông H chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 09/4/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa và không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cho rằng còn thương vợ con nên đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong thời gian không còn chung sống, bà D, ông H không tới lui thăm nhau, không tạo điều kiện hàn gắn hành phúc vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông H.

Về con chung, bà D, ông H đều yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Hà Ngọc Nguyên A và Hà Ngọc Thảo T. Xét thấy, các con chung đang được bà D nuôi dưỡng ổn định về thể chất, tinh thần. Cháu A có nguyện vọng sống cùng bà D. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu A, T cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông H; bà D được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Hà Ngọc Nguyên A, Hà Ngọc Thảo T; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đỗ Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hà Hữu H. Đồng thời, ông H cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà D và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà D cho rằng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông H thường hay say xỉn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng không còn

sống với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông H.

Ông H thống nhất với lời khai của bà D về thời gian phát sinh thuận và thời điểm vợ chồng không còn sống chung. Nguyên nhân mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã là do bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con, do dịch bệnh Covid-19, không có việc làm. Do còn thương vợ, thương con nên ông H không đồng ý ly hôn với bà D.

Xét thấy, theo lời khai của bà D, ông H và thông tin do Ban ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang, trong thời gian chung sống, bà D, ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung trong khoảng thời gian dài, từ cuối năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D, ông H trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông H theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà D, ông H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Hà Ngọc Nguyên A, sinh ngày 20/02/2014 và Hà Ngọc Thảo T, sinh ngày 15/5/2016. Bà D, ông H đều yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung.

Xét thấy, các con chung đang được bà D nuôi dưỡng. Theo biên bản ghi ý kiến ngày 21/02/2022 do cán bộ Tòa án lập, cháu A có nguyện vọng sống cùng bà D. Theo trình bày của bà D, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, các cháu A, T đang được bà D nuôi dạy, chăm sóc tốt; được học hành đầy đủ; phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao các cháu A, T cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dưỡng các cháu A, T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D, ông H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thùy D.

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thùy D được ly hôn với ông Hà Hữu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2013, quyền số 01/2013, ngày 09/4/2013 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Đỗ Thị Thùy D và ông Hà Hữu H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Đỗ Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Hà Ngọc Nguyên A, sinh ngày 20/02/2014 và Hà Ngọc Thảo T, sinh ngày 15/5/2016. Ông Hà Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Đỗ Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hà Hữu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009947 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 12 năm 2021; bà Đỗ Thị Thùy D đã nộp đủ án phí.

Ông Hà Hữu H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị Thùy D, ông Hà Hữu H có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình